

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Việt Hưng
2. Bà: Hà Thị Lan
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Thành Công - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
- Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 145/2023/TLST - HNGĐ, ngày 15/5/2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐST - HNGĐ, ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1992.

ĐKKHKT: Xóm V, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Q, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1991.

ĐKKHKT: Xóm V, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(chị H có mặt, vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày: Tôi (H) xác định tôi kết hôn với anh Đặng Văn T năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn tôi và anh T ở riêng và ăn riêng, vợ chồng không ai có tài sản riêng trước khi cưới. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp cách sống của nhau, dẫn đến việc vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù có được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được. Trong khoảng đầu năm 2020 hai vợ chồng sống ly thân, tôi bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống kể từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xác định tình

cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung:

1. Đặng Anh T1, sinh ngày 08/7/2019.

2. Đặng Hải Y, sinh ngày 07/11/2016.

Khi ly hôn tôi và anh T đã tự thỏa thuận tôi quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Đặng Anh T1, sinh ngày 08/7/2019 và Đặng Hải Y, sinh ngày 07/11/2016 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp tôi và anh T có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Anh T được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung tôi và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và anh T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Đặng Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Toà án đã tiến hành niêm yết công khai đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh T, đồng thời tiến hành xác minh tại gia đình anh T và gặp anh Đặng Văn T cho biết: Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau để cùng nuôi dạy con, mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên trường hợp chị H vẫn cương quyết ly hôn anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh T chị H có 02 con chung:

1. Đặng Anh T1, sinh ngày 08/7/2019.

2. Đặng Hải Y, sinh ngày 07/11/2016.

Khi ly hôn tôi muốn được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Đặng Anh T1, sinh ngày 08/7/2019 và Đặng Hải Y, sinh ngày 07/11/2016 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, nếu chị H không đủ điều kiện nuôi hai con. Nếu chị H vẫn cương quyết nuôi hai con thì tôi đồng ý cho chị H nuôi hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung tôi và chị H đã tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và chị H không có, không yêu cầu giải quyết.

Anh T có mặt tại gia đình và địa phương, Tòa án gửi các văn bản tố tụng thì anh T đã nhận nhưng không ký vào các biên bản giao nhận các văn bản tố tụng và biên bản xác minh và biên bản làm việc. Anh cũng trả lời là không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nếu Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa thì anh cũng không tham gia và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Đặng Văn T.

+ Về con chung: Giao con chung Đặng Anh T1, sinh ngày 08/7/2019 và Đặng Hải Y, sinh ngày 07/11/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng không xem xét.

+ Về tài sản, nợ chung: Không xem xét.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Đặng Văn T cư trú tại xóm V, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày hôm nay vắng mặt phía bị đơn là anh Đặng Văn T lần thứ hai không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giải quyết vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, trước khi kết hôn có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị H và anh T có hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được. Trong khoảng đầu năm 2020 hai vợ chồng đã sống ly thân, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống kể từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh T. HĐXX thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị H và anh T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Đặng Anh T1, sinh ngày 08/7/2019 và Đặng Hải Y, sinh ngày 07/11/2016.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, phía anh T cũng nhất trí để chị H nuôi dưỡng hai con chung. Do đó HĐXX xét thấy cần giao hai cháu T1 và cháu Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H và anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Về quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung: Anh T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H. Cho chị H được ly hôn anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung Đặng Anh T1, sinh ngày 08/7/2019 và Đặng Hải Y, sinh ngày 07/11/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung khi ly hôn: Anh T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị H phải chịu 300.000đ án phí LHST nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004332 ngày 15/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị H biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã P;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Kao Hoàng